

THE MORNING NEWS
BẢN TIN SÁNG 23/02/2023

QUẢN TÍNH GIẢM ĐIỂM

Quốc tế

- Phố Wall tiếp tục có phiên giao dịch không mấy tích cực trong ngày hôm qua khi nhà đầu tư vẫn lo ngại về việc lãi suất tăng cao. Chỉ số Dow Jones giảm 84,50 điểm (-0,26%), chỉ số NASDAQ tăng 14,77 điểm (+0,13%) và chỉ số S&P 500 giảm 6,29 điểm (-0,16%). Cổ phiếu của hầu hết các nhóm ngành đều giảm điểm đặc biệt là các cổ phiếu bất động sản, năng lượng.
- Chứng khoán châu Âu có diễn biến giảm điểm trong ngày giao dịch hôm qua. Chỉ số FTSE 100 (Anh) giảm 47,12 điểm (-0,59%), CAC 40 (Pháp) giảm 9,39 điểm (-0,13%). Trong khi đó, thị trường chứng khoán tại các nước Đông Nam Á hầu hết giảm điểm trong phiên giao dịch.
- Giá dầu WTI và Brent giảm lần lượt là 2,90% và 2,95% trong phiên giao dịch hôm qua. Bên cạnh đó giá một số vật liệu cơ bản như sữa, vàng, bạc giảm điểm.
- Tổng xuất khẩu dầu thô và dầu nhiên liệu của Nga sang Trung Quốc đạt 1,66 triệu thùng/ngày trong tháng 1/2023.
- Bắc Kinh hỗ trợ 6 USD/tháng cho người dân để giúp đối phó với lạm phát nước này.

Trong nước

- Vnindex có phiên giao dịch khá tiêu cực trong phiên ngày hôm qua khi đánh mất nỗ lực phục hồi của chỉ số trong hai phiên trước đó, áp lực bán càng mạnh hơn trong phiên chiều khi nhà đầu tư cố gắng hiện thực hóa việc chốt lời danh mục của mình. Kết thúc phiên, Vnindex giảm 27,95 điểm về mốc 1.054,28, đây cũng là vùng giá có sự xuất hiện của đường SMA 50, giá trị giao tăng so với phiên trước đó.
- Hầu hết các nhóm ngành đều biến động so với phiên trước đó, cổ phiếu một số nhóm ngành giảm điểm gây chú ý trong phiên giao dịch như tài chính, dầu khí. Trong đó, nhiều mã ghi nhận sự chú ý của nhà đầu tư như HQC, VND, BSR.
- Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng với giá trị hơn 364,15 tỷ, tập trung bán các cổ phiếu như VIC, VHM, DXG. Bên cạnh đó, tự doanh tham gia mua ròng với 47,43 tỷ đồng.
- Ngày 22/2, giá vàng thế giới giảm về mức 1.834,915 USD/ounce. Giá vàng SJC trong nước điều chỉnh giảm từ 50.000 – 100.000 đồng/lượng.
- Tổng giá trị trái phiếu Chính Phủ phát hành từ đầu năm đến nay đạt 67.292 tỷ đồng, tương ứng đạt gần 16,8% kế hoạch năm 2023.

Doanh nghiệp

-  L18: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 chốt quyền chia cổ tức 2022 tỷ lệ 7%.
-  SAM: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia thông báo bán bớt gần 5,92 triệu cổ phiếu SAM.
-  STB: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tổ chức họp ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023.
-  GAB: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM chuyển cổ phiếu GAB từ diện hạn chế giao dịch sang diện định chỉ giao dịch.
-  GEX: Tập đoàn Gelex tiến hành mua lại 104,9 tỷ đồng trong số 122 tỷ đồng trái phiếu đang lưu hành của lô BONDGEX/2020.02.
-  KBC: Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn- Hải Phòng rút 10.000 tỷ làm Khu công nghiệp Trảng Duệ 3.
-  IBC: Sở GD- ĐT tỉnh Bình Dương gửi thông báo mời trung tâm ngoại ngữ Apax Leaders lên làm việc do ngưng hoạt động kéo dài.
-  CTG: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam rao bán khoản nợ của Gốm xây dựng Yên Hưng.
-  STC: CTCP Sách và Thiết bị Trường học TP.HCM chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 14%.
-  MSN: Tập đoàn Masacn huy động thành công 700 tỷ đồng trái phiếu.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

CHỈ SỐ	23/02/2023	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% YTD
VN INDEX	1.054,28	-2,58%	0,58%	-4,86%	4,69%
HNX30 INDEX	363,32	-3,28%	1,26%	-4,12%	9,73%
VN30 INDEX	1.051,08	-2,76%	0,74%	-6,31%	4,57%
S&P 500	3.991,05	-0,16%	-3,51%	0,46%	3,95%
Dow Jones	33.045,09	-0,26%	-3,06%	-0,99%	-0,31%
Nasdaq	11.507,07	0,13%	-3,79%	3,29%	9,94%
Shanghai Composite	3.291,15	-0,47%	1,30%	0,81%	6,54%
Nikkei 225	27.104,32	-1,34%	-1,45%	0,74%	3,87%
Thailand SET	1.659,48	-0,55%	0,73%	-1,46%	-0,55%
Malaysia	1.466,47	0,17%	-1,20%	-2,26%	-1,94%
Philippine	6.699,23	-1,50%	-1,80%	-5,24%	2,02%
Indonesia JCI	6.809,97	-0,92%	-1,51%	-0,94%	-0,59%
FTSE 100	7.930,63	-0,59%	-0,84%	1,87%	6,43%
DAX	15.399,89	0,01%	-0,69%	1,97%	10,60%
CAC 40	7.299,26	-0,13%	-0,02%	3,80%	12,75%

Nguồn: Bloomberg, VietinBank Securities

TOP CỔ PHIẾU TĂNG – GIẢM GIÁ

Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
TNT	4.280	1.502.400	7,00%
MCP	16.950	400	6,94%
CLW	23.900	100	6,94%
HOT	18.800	1.000	6,82%
HQC	3.460	51.054.400	6,79%
TMT	15.850	205.800	6,73%
SII	17.500	900	6,71%
YEG	11.150	432.400	6,70%
AMD	1.440	2.749.800	6,67%
SCD	16.650	100	6,39%

HSX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
SZC	27.900	2.230.200	-7,00%
PNC	9.300	1.000	-7,00%
TTB	4.130	577.200	-6,98%
FUCVREIT	7.630	2.800	-6,95%
HCM	24.200	11.825.400	-6,92%
SVI	62.000	600	-6,91%
ANV	32.600	2.551.100	-6,86%
KHG	5.030	13.034.700	-6,85%
DRH	5.180	5.796.100	-6,83%
DXG	11.000	19.383.500	-6,78%

HNX: Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
SMT	8.800	10.722	10,00%
GDW	20.400	300	9,68%
SMN	13.700	4.800	9,60%
V12	15.300	500	9,29%
BDB	13.500	200	8,87%
TFC	6.300	200	8,62%
SHN	8.900	100	8,54%
HHC	102.000	300	7,94%
TJC	18.100	1.501	7,74%
SSM	4.200	100	7,69%

HNX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
PMP	9.900	1.200	-10,00%
GLT	23.600	39.400	-9,92%
SDN	41.000	100	-9,69%
BAX	64.100	100	-9,59%
BPC	11.600	200	-9,38%
VTZ	7.900	3.200	-9,20%
PSC	13.500	1.100	-8,78%
LBE	20.000	8.100	-8,68%
VBC	20.100	2.400	-8,64%
SGH	43.200	100	-8,09%

GIAO DỊCH CỦA KHỐI NGOẠI

HSX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	NKG	20.869	VIC	58.629
2	FUEVFNVD	19.815	VHM	54.227
3	KBC	19.327	DXG	39.379
4	FRT	18.989	CTG	38.404
5	HSG	13.688	STB	37.147
6	PC1	9.695	SSI	36.087
7	HHV	6.084	VNM	34.890
8	DGW	3.715	HPG	30.489
9	BVH	3.499	MSN	23.852
10	HAH	3.178	DGC	23.072

HNX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	PVS	40.312	PVI	2.049
2	IDC	14.052	THD	433
3	CEO	1.342	BTS	215
4	TNG	1.007	PVB	145
5	SHS	814	DAD	49
6	HUT	768	MBS	43
7	PVG	224	DDG	29
8	CDN	96	APS	24
9	NTP	64	VCS	10
10	NDX	40	BAX	6

Nguồn: Fiinpro, VietinBank Securities

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Mặt hàng	Đơn vị	23/02/2023	%Ngày	% 5 ngày	%Tháng	%YTD
Oil WTI	USD/bbl.	73,95	-2,90%	-5,79%	-9,29%	-7,75%
Oil Brent	USD/bbl.	80,60	-2,95%	-5,29%	-8,56%	-6,13%
Thép thanh	CNY/MT	4.245,00	0,31%	3,94%	2,32%	4,55%
Nhôm	USD/MT	2.388,00	-2,09%	1,29%	-7,78%	1,64%
Đồng	USD/lb.	418,50	-0,64%	3,61%	-2,32%	9,23%
Than	USD/MT	209,65	0,55%	-4,66%	-40,26%	-48,13%
Đường	USD/lb.	19,90	-0,15%	-0,50%	8,09%	6,30%
Ngô	USD/bu.	674,00	-0,96%	-0,26%	1,24%	-0,59%
Gas	USD/MMBtu	2,17	4,87%	-13,11%	-37,71%	-52,02%
Sữa	USD/cwt	17,88	-0,17%	-0,28%	-8,26%	-12,65%
Vàng	USD/t oz.	1.841,50	-0,05%	-0,66%	-5,77%	-0,49%
Bạc	USD/t oz.	21,82	-0,96%	-0,27%	-8,66%	-10,40%
Lúa Mỳ	USD/bu.	750,00	-1,67%	-3,84%	3,06%	-6,07%
Thịt lợn	USD/lb.	86,55	-2,86%	14,37%	11,21%	-1,31%
Thép cuộn TQ	CNY/MT	4.362,00	0,21%	2,13%	3,98%	5,18%

THÔNG BÁO MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Nội dung bản tin này do Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities) cung cấp, chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ những nguồn, tờ báo đáng tin cậy, nhưng VietinBank Securities không đảm bảo được tuyệt đối được độ chính xác của thông tin hay bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng bản tin này.

Các ý kiến tổng hợp, dự báo chỉ thể hiện quan điểm của tác giả tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào, mua bán, nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào. Báo cáo này là tài sản của Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities).

Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích cá nhân hay thương mại nào nếu không có sự đồng ý của VietinBank Securities.

Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này!